

QUYẾT ĐỊNH
v/v ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ
chuyên ngành Luật quốc tế

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-HVNG ngày 15/10/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật quốc tế tại Học viện Ngoại giao.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ kèm theo quyết định này áp dụng cho các khóa nghiên cứu sinh chuyên ngành Luật quốc tế được xét tuyển tại Học viện Ngoại giao sau khi Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng các Khoa chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao (để b/c);
- Bộ GD và ĐT (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: HCTH & SDH.

Q. GIÁM ĐỐC



Phạm Lan Dung

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2381/QĐ-HVNG ngày 21 tháng 11 năm 2023
của Q. Giám đốc Học viện Ngoại giao)

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT QUỐC TẾ
Mã số: 9380108

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật quốc tế đặt mục tiêu đào tạo các nhà khoa học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành Luật quốc tế. Tiến sĩ Luật quốc tế có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

2. CHUẨN ĐẦU RA:

2.1. Về kiến thức

- Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành Luật quốc tế.
- Kiến thức cốt lõi, nền tảng về các lĩnh vực của chuyên ngành Luật quốc tế.
- Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học chuyên ngành Luật quốc tế.
- Kiến thức về quản trị tổ chức trong Luật quốc tế.

2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành Luật quốc tế.
- Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong Luật quốc tế.
- Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo trong Luật quốc tế.
- Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu Luật quốc tế.
- Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc chuyên ngành Luật quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong Luật quốc tế.
- Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.
- Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác nghiên cứu khoa học Luật quốc tế.
- Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Luật quốc tế.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

- Đối với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng nghiên cứu, thời gian đào tạo: 3 năm.
- Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng ứng dụng hoặc ngành phù hợp nhóm 1, thời gian đào tạo: 3,5 năm.
- Đối với NCS có bằng đại học ngành đúng đạt loại giỏi trở lên (chưa có bằng thạc sĩ) hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp nhóm 2, thời gian đào tạo: 4 năm.

4. DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP

4.1. Ngành đúng

Luật quốc tế.

4.2. Ngành phù hợp

Nhóm 1:

Nhóm ngành Luật (73801): Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật thương mại quốc tế.

Nhóm 2:

- *Các chuyên ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm:* Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế.

- *Lĩnh vực An ninh, quốc phòng (886):* thí sinh được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và công tác chuyên môn.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

5.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng nghiên cứu:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **90 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 12 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

5.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng ứng dụng:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **99 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần bổ sung: 09 tín chỉ

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 12 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

5.3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp:

Ngành phù hợp nhóm 1:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **111 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần bổ sung: 21 tín chỉ

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 12 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

Ngành phù hợp nhóm 2:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **129 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần bổ sung: 39 tín chỉ

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 12 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

5.4. Đối với NCS có bằng đại học ngành đúng loại giỏi trở lên (chưa có bằng thạc sĩ):

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **129 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần bổ sung: 39 tín chỉ

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 12 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 78 tín chỉ

6. TUYỂN SINH:

6.1. Phương thức tuyển sinh

Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Học viện Ngoại giao.

6.2. Điều kiện dự tuyển

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp đại học ngành đúng hạng giỏi trở lên, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02

năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b) *Yêu cầu cụ thể với người dự tuyển có bằng thạc sĩ ngành phù hợp hoặc chưa có bằng thạc sĩ như sau:*

- *Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp nhóm 1, các thí sinh phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

i) có bằng thạc sĩ đạt loại Khá trở lên; ii) có thâm niên tối thiểu 03 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký xét tuyển tính đến ngày nộp hồ sơ; iii) được cơ quan cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- *Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp nhóm 2, các thí sinh phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

i) có bằng thạc sĩ đạt loại Khá trở lên; ii) có thâm niên tối thiểu 03 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký xét tuyển tính đến ngày nộp hồ sơ; iii) có thêm tối thiểu 01 công trình khoa học liên quan tới đề tài dự định nghiên cứu đã được công bố, nghiệm thu (bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; hoặc bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo chuyên ngành; hoặc sách hoặc chương sách chuyên ngành; hoặc làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên); iv) được cơ quan cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- *Có bằng thạc sĩ ngành đúng đạt loại giỏi trở lên (chưa có bằng thạc sĩ), các thí sinh phải có thêm tối thiểu 01 công trình khoa học liên quan tới đề tài dự định nghiên cứu đã được công bố, nghiệm thu (bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành; hoặc bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo chuyên ngành; hoặc sách hoặc chương sách chuyên ngành; hoặc làm chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên).*

c) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

d) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh). Học viện tổ chức kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh cho những người dự tuyển thuộc nhóm này, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

- Hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, gồm: các học phần bổ sung (nếu có), các nội dung của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật quốc tế tại Học viện Ngoại giao.

- Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo,

hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), hoặc thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

- Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp học viện.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận án.

- Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ được cấp bằng Tiến sĩ Luật quốc tế (PhD Degree in International Law).

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

8.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng nghiên cứu:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Phần 1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	24
1.1	Học phần bắt buộc	6
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3
2	Các vấn đề đương đại của Luật quốc tế	3
1.2	Học phần tự chọn (NCS chọn 2 trong 6 học phần tự chọn)	6
1	Pháp luật và thực tiễn của Liên Hợp Quốc	3
2	Luật quốc tế và luật quốc gia về biên giới, lãnh thổ và biển	3
3	Luật quốc tế về nhân quyền và nhân đạo: các vấn đề lý luận và thực tiễn	3
4	Luật thương mại quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên	3
5	Luật quốc tế về bảo vệ môi trường	3
6	Luật đầu tư quốc tế	3
1.3	Các chuyên đề tiến sĩ	
1	Chuyên đề 1	
2	Chuyên đề 2	
3	Chuyên đề 3	
1.4	Tiểu luận tổng quan	
Phần 2	Nghiên cứu khoa học	
	<i>Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định</i>	
Phần 3	Luận án tiến sĩ	78
Tổng tín chỉ		90

8.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng ứng dụng:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Phần 1	Các học phần bổ sung	9
	03 chuyên đề nghiên cứu thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật quốc tế định hướng nghiên cứu tại Học viện	
Phần 2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	24
2.1	Học phần bắt buộc	6

1	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3
2	Các vấn đề đương đại của Luật quốc tế	3
2.2	Học phần tự chọn (NCS chọn 2 trong 6 học phần tự chọn)	6
1	Pháp luật và thực tiễn của Liên Hợp Quốc	3
2	Luật quốc tế và luật quốc gia về biên giới, lãnh thổ và biển	3
3	Luật quốc tế về nhân quyền và nhân đạo: các vấn đề lý luận và thực tiễn	3
4	Luật thương mại quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên	3
5	Luật quốc tế về bảo vệ môi trường	3
6	Luật đầu tư quốc tế	3
2.3	Các chuyên đề tiến sĩ	
1	Chuyên đề 1	
2	Chuyên đề 2	
3	Chuyên đề 3	
2.4	Tiểu luận tổng quan	
Phần 3	Nghiên cứu khoa học	
	<i>Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định</i>	
Phần 4	Luận án tiến sĩ	78
Tổng tín chỉ		99

8.3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành phù hợp nhóm 1:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Phần 1	Các học phần bổ sung	21
	Khôi kiến thức chuyên ngành (nhóm học phần bắt buộc) của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật quốc tế định hướng nghiên cứu tại Học viện	
Phần 2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	24
2.1	Học phần bắt buộc	6
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3
2	Các vấn đề đương đại của Luật quốc tế	3
2.2	Học phần tự chọn (NCS chọn 2 trong 6 học phần tự chọn)	6
1	Pháp luật và thực tiễn của Liên Hợp Quốc	3
2	Luật quốc tế và luật quốc gia về biên giới, lãnh thổ và biển	3
3	Luật quốc tế về nhân quyền và nhân đạo: các vấn đề lý luận và thực tiễn	3
4	Luật thương mại quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên	3
5	Luật quốc tế về bảo vệ môi trường	3
6	Luật đầu tư quốc tế	3
2.3	Các chuyên đề tiến sĩ	
1	Chuyên đề 1	
2	Chuyên đề 2	
3	Chuyên đề 3	
2.4	Tiểu luận tổng quan	
Phần 3	Nghiên cứu khoa học	
	<i>Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định</i>	
Phần 4	Luận án tiến sĩ	78
Tổng tín chỉ		111

8.4. Đối với NCS có bằng đại học ngành đúng loại giỏi trở lên (chưa có bằng thạc sĩ) hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp nhóm 2:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Phần 1	Các học phần bổ sung	39
	Khối kiến thức cơ sở (nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn) và khối kiến thức chuyên ngành (nhóm học phần bắt buộc và nhóm học phần tự chọn) của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật quốc tế định hướng nghiên cứu tại Học viện	
Phần 2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	24
2.1	Học phần bắt buộc	6
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý	3
2	Các vấn đề đương đại của Luật quốc tế	3
2.2	Học phần tự chọn (NCS chọn 2 trong 6 học phần tự chọn)	6
1	Pháp luật và thực tiễn của Liên Hợp Quốc	3
2	Luật quốc tế và luật quốc gia về biên giới, lãnh thổ và biển	3
3	Luật quốc tế về nhân quyền và nhân đạo: các vấn đề lý luận và thực tiễn	3
4	Luật thương mại quốc tế và các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên	3
5	Luật quốc tế về bảo vệ môi trường	3
6	Luật đầu tư quốc tế	3
2.3	Các chuyên đề tiến sĩ	
1	Chuyên đề 1	
2	Chuyên đề 2	
3	Chuyên đề 3	
2.4	Tiểu luận tổng quan	
Phần 3	Nghiên cứu khoa học	
	<i>Các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định</i>	
Phần 4	Luận án tiến sĩ	78
Tổng tín chỉ		129

9. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN:

9.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng nghiên cứu (3 năm):

TT	Tên học phần	Thời gian thực hiện
Phần 1	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	Năm thứ nhất
	Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	Năm thứ hai
Phần 2	Nghiên cứu khoa học	Năm thứ nhất và hai
Phần 3	Luận án tiến sĩ	Năm thứ hai và ba

9.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng định hướng ứng dụng hoặc ngành phù hợp nhóm 1 (3,5 năm):

TT	Tên học phần	Thời gian thực hiện
Phần 1	Các học phần bổ sung	Năm thứ nhất
Phần 2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	Năm thứ nhất
	Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	Năm thứ hai
Phần 3	Nghiên cứu khoa học	Năm thứ nhất và hai
Phần 4	Luận án tiến sĩ	Năm thứ hai và ba

9.3. Đối với NCS có bằng đại học ngành đúng đạt loại giỏi trở lên (chưa có bằng thạc sĩ) hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp nhóm 2 (4 năm):

TT	Tên học phần	Thời gian thực hiện
Phần 1	Các học phần bổ sung	Năm thứ nhất và hai
Phần 2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	Năm thứ hai
	Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan	Năm thứ ba
Phần 3	Nghiên cứu khoa học	Năm thứ hai và ba
Phần 4	Luận án tiến sĩ	Năm thứ ba và tư

Lưu ý:

- NCS phải học bổ sung kiến thức tham gia các khóa học cùng với các khóa cao học chuyên ngành Luật quốc tế tại Học viện.

- Phòng Đào tạo sau Đại học có trách nhiệm bố trí, phổ biến kế hoạch học tập và đôn đốc để các NCS hoàn thành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Luật quốc tế theo đúng tiến độ.

